

ĐƠN VỊ :TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRỤ
Chương : 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, cá tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Tân Trụ công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2024 :

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỉ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỉ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.283,39	1.907,23	25%	#DIV/0!
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	15.283,39	1.907,23	25%	#DIV/0!
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.619,37	1.602,09	21,03%	#DIV/0!
	Nguồn 13	7.619,37	1.602,09	21,03%	#DIV/0!
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.664,02	305,14	4,10%	#DIV/0!
	Nguồn 12	217,83	0,00	0,00%	0,00%
	Nguồn 14	7.446,19	305,14	4,10%	#DIV/0!

Kế toán



Huỳnh Thị Nho

Tân Bình ngày 12 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ I NĂM 2024

I. Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)		:	1.602.086.706	đồng
6001	Lương theo ngạch, bậc	:	804.331.803	đồng
6101	Phụ cấp chức vụ	:	11.398.500	đồng
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	:	271.550.265	đồng
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	447.000	đồng
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	151.596.921	đồng
6301	Bảo hiểm xã hội	:	164.445.627	đồng
6302	Bảo hiểm y tế	:	29.019.816	đồng
6303	Kinh phí công đoàn	:	19.346.544	đồng
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	:	9.673.272	đồng
6349	Các khoản đóng góp khác	:	4.836.636	đồng
6449	Chi khác	:	82.746.000	đồng
6502	Tiền nước	:	3.758.040	đồng
6551	văn phòng phẩm	:	623.750	đồng
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bac	:	42.532	đồng
6704	Khoản công tác phí	:	3.000.000	đồng
6757	Thuê lao động trong nước	:	42.120.000	đồng
7049	Chi khác	:	3.150.000	đồng
II. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 14)		:	305.141.196	đồng
6001	Lương theo ngạch, bậc	:	167.344.200	đồng
6101	Phụ cấp chức vụ	:	2.371.500	đồng
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	:	56.497.035	đồng
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	93.000	đồng
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	31.540.296	đồng
6301	Bảo hiểm xã hội	:	34.213.521	đồng
6302	Bảo hiểm y tế	:	6.037.680	đồng
6303	Kinh phí công đoàn	:	4.025.121	đồng
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	:	2.012.559	đồng
6349	Các khoản đóng góp khác	:	1.006.284	đồng
III. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)		:	-	đồng

Kế toán

Huỳnh Thị Nho

Tân Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng



Hà Thị Lương